

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HSST

Ngày: 29-11-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Hoàng – Công chức hưu trí;

- Bà Trần Thị Huệ – Trưởng phòng Kế hoạch tài chính Sở thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai;

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 85/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2018/QĐXXST-HS ngày 06/11/2018 đối với bị cáo sau:

Nguyễn Thị Quý Th. Sinh ngày 08/8/1965 tại: Huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn M, xã Ia , huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Giới tính : Nữ. Tôn giáo: không. Học vấn: 4/12. Nghề nghiệp: Kinh doanh (chủ DNTN Tấn Th). Con ông Nguyễn D (chết) và bà Trần Thị L (chết). Có chồng là Tường Xuân T, sinh năm 1963 và có 02 con. Tiền án, tiền sự: không. Đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

\* Bị hại: Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Gia Lai – do Ông Nguyễn Quốc Th làm đại diện (theo quyết định ủy quyền số 223/QĐ-CCT ngày 22/6/2018). Ông Th có mặt

Địa chỉ: 138 Ngô, phường Tr, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

\* Người làm chứng: Chị Tường Thị Th X – sinh năm 1990

Trú tại: thôn M, xã Ia , huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

\*Người giám định: Ông Nguyễn Hoàng Ph – Giám định viên tư pháp.

Địa chỉ: Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### **1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

DNTN Tấn Th, MST: 5900653064, thành lập năm 2010, ngành nghề kinh doanh chính là mua bán nông sản, chủ doanh nghiệp là Nguyễn Thị Quý Th trực tiếp quản lý và điều hành.

Từ năm 2012 đến năm 2015, DNTN Tấn Th đã nhập khẩu các mặt hàng nông sản từ Campuchia về Việt Nam qua Cửa khẩu Quốc tế Lệ Th, sau khi nhập khẩu thì doanh nghiệp bán lại hàng nông sản cho nhiều doanh nghiệp, cá nhân nhưng không kê khai, nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/5/2014, Chi cục Thuế huyện Đ đã ra Quyết định áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn GTGT không còn giá trị sử dụng. Lý do: Đơn vị không chấp hành thông báo tiền nợ thuế và tiền chậm nộp, số tiền nợ thuế: 5.900.000.000 đồng.

Ngày 30/03/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai đã ra Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện nay, DNTN Tấn Th không còn hoạt động kinh doanh.

Từ năm 2012 đến năm 2013, DNTN Tấn Th đã nhập khẩu các mặt hàng nông sản từ Campuchia về Việt Nam gồm mặt hàng Sắn lát khô và Hạt điều thô thông qua ký kết hợp đồng với một số Công ty bên phía Campuchia như: Th XUAN COMMERCE CO., LTD ở tỉnh Ratanakiri (năm 2012); CROPRODUCE CAMEX CO., LTD ở thành phố Phnom Penh (năm 2013), cụ thể như sau: Nhập khẩu 40.450 tấn Sắn lát khô và Hạt Điều thô trị giá 8.265.629 USD, tương đương 172.160.578.000 đồng.

Tuy nhiên, qua thể hiện tại Hồ sơ kê khai, báo cáo thuế của DNTN Tấn Th tại Chi Cục thuế huyện Đ, tỉnh Gia Lai, thể hiện doanh nghiệp không kê khai số lượng nhập vào, không kê khai, nộp thuế đối với số lượng bán ra trong khoảng thời gian từ tháng 3/2012 đến hết năm 2013, cụ thể: Đối với 14.250 tấn nông sản là Sắn lát khô và Hạt điều thô trị giá 3.318.129 USD, tương đương 68.521.750.000 đồng bán ra cho các cá nhân và doanh nghiệp.

Tại Báo cáo tài chính doanh nghiệp thể hiện năm 2012 còn tồn kho hàng hoá với giá trị 500.563.105 đồng và đến hết năm 2013 còn tồn kho hàng hoá với giá trị 138.370.705 đồng (không nêu tồn mặt hàng gì).

Nguyễn Thị Quý Th khai nhận hàng hoá nông sản nhập khẩu của DNTN Tấn Th nhập đến đâu bán hết đến đó, không để hàng tồn kho, toàn bộ hàng hoá đã được xuất bán hết. Việc xuất bán, Th cho chuyển hàng từ xe Campuchia qua xe Việt Nam tại Cửa khẩu Quốc tế Lệ Th bán cho khách hàng để tiết kiệm tiền phí bốc xếp.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 165/QĐ-GĐ ngày 10/7/2017, trưng cầu ông Nguyễn Hoàng Ph - Giám

định viên tư pháp Bộ Tài chính giám định số tiền trốn thuế do DNTN Tấn Th không kê khai, nộp thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với mặt hàng nông sản nhập khẩu đã xuất bán trong năm 2012, 2013.

Ngày 28/8/2017, Giám định viên Nguyễn Hoàng Ph đã có Kết luận giám định: Số tiền thuế GTGT mà bà Nguyễn Thị Quý Th, chủ DNTN Tấn Th đã bán hàng nhưng không kê khai, nộp thuế đối với số hàng nông sản nhập khẩu từ tháng 03/2012 đến hết năm 2013 đã trốn thuế, với số tiền thuế là: 3.224.248.235 đồng và gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với số tiền 3.224.248.235 đồng (ba tỷ, hai trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, hai trăm ba mươi đồng). Riêng thuế thu nhập Doanh nghiệp không phát sinh do DNTN Tấn Th kinh doanh không có lợi nhuận.

Tại cáo trạng số 79/CT-VKS-P3 ngày 26/10/2018, VKSND tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Quý Th về tội: “Trốn Thuế” theo quy định tại Khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015.

## **2. Diễn biến tại phiên tòa:**

- Bị cáo Nguyễn Thị Quý Th thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo cho rằng thông thường doanh nghiệp Tấn Th do bị cáo làm chủ đều nộp thuế đầy đủ nhưng do bị cáo không kiểm soát được hoạt động kế toán nên thỉnh thoảng có đợt nhận hàng không kê khai nộp thuế. Nay bị điều tra, truy tố và bị xét xử bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật như kết luận của cáo trạng, bị cáo đã xem kết luận giám định thuế, bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng bị cáo cho rằng bản thân rất ăn năn hối hận nên đã tích cực nộp lại tiền thuế đã chiếm đoạt, đến nay bị cáo đã nộp được 1.224.248.235 đồng. Khi doanh nghiệp còn hoạt động bị cáo cũng đóng góp tích cực cho Ngân sách địa phương cũng như đóng góp các khoản phúc lợi xã hội, quá trình bị cáo đi buôn bán ở trong tỉnh có biết được thông tin một số trường hợp phạm tội nên đã trình báo thông tin này với cơ quan điều tra, các trường hợp do bị cáo cung cấp thông tin đến nay đã bị khởi tố. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được có điều kiện tiếp tục mua bán kiếm tiền nộp lại khoản tiền thuế đã chiếm đoạt.

- Ông Nguyễn Quốc Th, đại diện chi cục thuế huyện Đ nhất trí nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai. Ông đề nghị tòa buộc bị cáo phải tiếp tục nộp cho Ngân sách Nhà nước khoản tiền thuế đã trốn thuế, ông nhất trí lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa và không có ý kiến gì khác.

- Đại diện VKSND tỉnh giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Trốn thuế”

Áp dụng Khoản 3 Điều 200; điểm b, s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Quý Th mức án từ 24 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 đến 60 tháng.

Về dân sự: bị cáo đã tự nguyện nộp 1.224.248.235 đồng tiền trốn thuế nên còn phải nộp 2.000.000.000 đồng.

Về vật chứng: số tiền thuế bị cáo đã nộp giao lại cho Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Gia Lai nhận. Các tài liệu thu thập được tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí đối với số tiền chiếm đoạt thuế còn phải nộp.

- Ông Nguyễn Hoàng Ph, Giám định viên tư pháp có ý kiến như sau: Ông là người đã thực hiện giám định và xác định số tiền trốn thuế của doanh nghiệp Tấn Th do bị cáo Nguyễn Thị Quý Th làm chủ doanh nghiệp như nội dung cáo trạng đã nêu. Tổng số tiền trốn thuế của bị cáo là do nhiều đợt mua bán hàng hóa có trốn thuế cộng lại, mỗi đợt mua bán hàng hóa có trốn thuế là dưới 50.000.000đ như trong kết luận giám định. Quá trình giám định ông không phát hiện ra sai phạm về thuế nào khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về thủ tục tố tụng: Hoạt động của các cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hiện hành; các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án là đúng quy định của pháp luật.

**[2]** Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Quý Th khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2012 đến hết năm 2013, bị cáo nhiều lần nhập nông sản từ Campuchia về để bán cho các bạn hàng trong nước, số lượng hàng hóa nhập khẩu được thể hiện thông qua các tờ khai hàng hóa nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Lệ Thanh. Toàn bộ hàng nhập khẩu bị cáo đã bán hết nhưng chỉ kê khai một số để nộp thuế và một số thì không ghi sổ sách kế toán, không xuất hóa đơn, không kê khai báo cáo thuế, nộp thuế. Bị cáo thừa nhận số tiền bị cáo trốn thuế giá trị gia tăng trong khoảng thời gian trên là 3.224.248.235 đồng như kết luận giám định ngày 28/8/2017 do Ông Nguyễn Hoàng Ph, Giám định viên tư pháp thực hiện là đúng, Hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp Tấn Th trong khoảng thời gian này phát sinh thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo về tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 của Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ.

**[3]** Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Thuế là công cụ rất quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế. Thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia

và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng. Trong vụ án này, hàng hóa do bị cáo nhập và địa chỉ bán ra không thuộc diện miễn thuế giá trị gia tăng nên phải chịu thuế giá trị gia tăng, bản thân bị cáo là chủ doanh nghiệp nên khi nhập hàng, bán hàng sẽ biết rõ số lượng hàng bán ra, giá trị hàng hóa và số tiền phải nộp thuế nhưng bị cáo đã không thực hiện ghi sổ sách kế toán, không xuất hóa đơn, không kê khai báo cáo thuế, nộp thuế để trốn thuế giá trị gia tăng làm thất thu Ngân sách Nhà nước. Bị cáo nêu lý do trốn thuế là do không kiểm soát được hoạt động kế toán nên bỏ sót là không phù hợp thực tế hoạt động doanh nghiệp cũng như vai trò kiểm soát các hoạt động doanh nghiệp của chủ doanh nghiệp như đã phân tích nêu trên mà cần phải xác định việc trốn thuế của bị cáo là nhằm chiếm đoạt tiền nộp thuế và làm thất thu Ngân sách Nhà nước số tiền 3.224.248.235 đồng, thuộc trường hợp nghiêm trọng.

**[4]** Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và nộp 1.224.248.235 đồng để khắc phục hậu quả, bị cáo cũng cung cấp thêm các Giấy khen của Tổng cục Thuế, Ủy ban nhân dân huyện Đ đối với Doanh nghiệp của bị cáo trước ngày phạm tội thực hiện tốt nghĩa vụ về chính sách thuế. Đồng thời Ủy ban nhân dân xã Ia , huyện Đ nơi bị cáo cư trú đã có văn bản số 286/2018/VB-UB ngày 26/11/2018 xác nhận bản thân bị cáo luôn chấp hành tốt các chủ trương chính sách tại địa phương, nhiều năm được chính quyền công nhận là “Gia đình văn hóa” được tặng giấy khen vì có nhiều thành tích đóng góp cho chính quyền địa phương trong việc “Xây dựng và bảo vệ an ninh tổ quốc, đóng góp tiền xây dựng người nghèo, nhà tình nghĩa; cũng như ủng hộ các phong trào thể dục, thể thao và xây dựng quê hương xã Ia , huyện Đ, tỉnh Gia Lai”. Ngoài ra tại phiên tòa bị cáo còn cung cấp thêm chứng cứ mới, có xác nhận của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Pl thể hiện từ tháng 4/2018 đến tháng 10/2018 bị cáo nhiều lần tích cực hợp tác, cung cấp thông tin về tội phạm cho Công an thành phố Pleiku các vụ án đã được khởi tố vào các ngày 18/5/2018 và ngày 18/9/2018, đóng góp vào công tác phòng chống tội phạm trên địa bàn thành phố Pl, tỉnh Gia Lai. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Theo quy định tại thông tư 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 (thời điểm truy tố hành vi trốn thuế của bị cáo) thì thời điểm xác định thuế Giá trị gia tăng đối với hàng hóa nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, nghĩa là Doanh nghiệp của bị cáo chịu thuế giá trị gia tăng phải kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo từng lần nhập khẩu. Trong kết luận giám định thể hiện tuy bị cáo thực hiện hành vi trốn thuế giá trị gia tăng trong nhiều năm nhưng số tiền thuế giá trị gia tăng trong mỗi lần nhập khẩu hàng hóa chưa đủ định lượng truy tố bị cáo, nên không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo.

**[5]** Về hình phạt: Xét hành vi của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, số tiền trốn thuế lớn, nên cần thiết phải xử bị cáo hình phạt tù với mức khởi điểm của khung hình phạt mới đảm bảo tính nghiêm khắc, đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe chung. Tuy nhiên, cũng cần xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều đóng góp cho địa phương, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tỏ ra ăn năn hối cải, quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện thi hành nộp lại một phần tiền trốn thuế, bản thân bị cáo có thành tích “lập công chuộc tội” thể hiện bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả, có khả năng tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của địa phương mà không gây nguy hiểm cho xã hội, cho bị cáo được cải tạo tại chỗ cũng là điều kiện để bị cáo tiếp tục lao động có điều kiện thi hành án nộp số tiền trốn thuế còn lại nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội bằng hình phạt tù có thời hạn. Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo mức hình phạt tù nhưng cho được hưởng án treo. Do quy định về án treo theo Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999 có hiệu lực tại thời điểm bị cáo phạm tội có lợi hơn Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 nên bị cáo được áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999 về vấn đề này.

**[6]** Đối với số tiền thuế bị cáo đã chiếm đoạt là 3.224.248.235 đồng. Buộc bị cáo phải nộp để Chi cục thuế huyện Đ thực hiện giao nộp Ngân sách. Bị cáo đã nộp 1.224.248.235 đồng, nên còn phải tiếp tục nộp 2.000.000.000 đồng

**[7]** Về vật chứng: số tiền 1.224.248.235 đồng (Theo biên lai thu tiền số 0004872 ngày 21/11/2018, biên lai thu tiền số 0004873 ngày 26/11/2018 và biên lai thu tiền số 0004874 ngày 26/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai) giao cho Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Gia Lai nhận và thực hiện giao nộp Ngân sách theo quy định.

**[8]** Các chứng cứ có tại hồ sơ và ý kiến của giám định viên Nguyễn Hoàng Ph tại phiên tòa xác định: Đối với số nông sản do Doanh nghiệp bị cáo nhập khẩu vào các năm 2014 và 2015, số lượng 13.600 tấn, trị giá thành tiền là 58.500.725.000 đồng, sau đó đã xuất bán hết, không còn hàng tồn kho nhưng không kê khai thuế để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Bị cáo đã cung cấp các hợp đồng mua bán hàng hóa với doanh nghiệp. Nay người trực tiếp giao dịch mua bán hàng hóa với bị cáo đã đi khỏi nơi cư trú, không xác định được đối tượng mua hàng của doanh nghiệp Tấn Th trong thời gian này có thuộc diện miễn thuế hay không nên không đủ cơ sở để giám định thuế. Vì vậy, Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục xác minh, khi có cơ sở sẽ đề nghị xử lý sau.

**[9]** Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với tiền trốn thuế còn phải nộp.

**Vì các lẽ trên,**

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Quý Th phạm tội “Trốn thuế”;
2. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 3 Điều 200; điểm b, s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999,
  - Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Quý Th mức án 2 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 4 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/11/2018.
  - Giao bị cáo Nguyễn Thị Quý Th cho UBND xã Ia , huyện Đ, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.
3. Về trách nhiệm dân sự:
  - Buộc bị cáo phải nộp tiền đã trốn thuế là 3.224.248.235 đồng. Bị cáo đã nộp 1.224.248.235 đồng nên còn phải tiếp tục nộp 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) cho Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Gia Lai nhận để Chi cục thuế huyện Đ thực hiện giao nộp Ngân sách theo quy định.
  - Số tiền trốn thuế đã nộp 1.224.248.235 đồng (Theo biên lai thu tiền số 0004872 ngày 21/11/2018, biên lai thu tiền số 0004873 ngày 26/11/2018 và biên lai thu tiền số 0004874 ngày 26/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai) giao cho Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Gia Lai để Chi cục thuế huyện Đ thực hiện giao nộp Ngân sách theo quy định.
4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị Quý Th phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- Viện KSND tỉnh Gia lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tam giam T20;
- Bị cáo;
- Lưu Tòa HS, VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Kim Hồng**



